

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2022

V/v ly hôn giữa chị H và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 Tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Hà Mạnh T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ cuối cùng tại Việt Nam: Tiểu khu 1, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện nay đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T có quen biết nhau từ trước, năm 2012 anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Do hai anh chị có được tự do tìm hiểu nên thống nhất đi đến kết hôn, nên khoảng tháng 02/2014 thì anh T về Việt Nam. Chị và anh T có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2014 tại UBND thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau khoảng 01 tháng. Do tính chất công việc nên khoảng tháng 4/2014 anh T tiếp tục quay trở lại Hàn Quốc làm việc, thời gian đầu vợ chồng chị vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, quan tâm hỏi han nhau nhưng sau đó ít dần do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nguyên nhân là do anh T không chịu về nước, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2018 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và kể từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hà Mạnh T hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh T đến nay không nhận được bất cứ văn bản nào của anh T.

Ngày 18/11/2021 và ngày 07/12/2021, Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của anh T là ông Hà Mạnh H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có quan điểm trình bày: Ông là bố đẻ của anh T có địa chỉ như trên. Hiện nay anh T đang đi lao động tại Hàn Quốc không có mặt tại địa phương, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình thông qua mạng xã hội. Về địa chỉ của anh T ở bên nước ngoài thì ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Về việc chị H xin ly hôn sau khi được gia đình thông báo, anh T có trao đổi về với gia đình là:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ: Không có.

Tòa án yêu cầu gia đình ông thông báo để anh T gửi quan điểm về cho Tòa án thì gia đình từ chối thực hiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H xin vắng mặt; bị đơn anh Hà Mạnh T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Hà Mạnh T vắng mặt không có lý do không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hà Mạnh T.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị H trình bày không có không yêu cầu.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Hà Mạnh T. Bị đơn anh Hà Mạnh T có hộ khẩu thường trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Theo công văn số: 25683/QLXNC-P5 ngày 27/10/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp thì anh Hà Mạnh T, sinh ngày 11/4/1991 đã xuất nhập cảnh 5 lần, xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 15/11/2014, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh T. Do vậy, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là tranh chấp về ly hôn. Do có một bên đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị H.

Đối với bị đơn anh Hà Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh T là ông Hà Mạnh H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông H thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hà Mạnh T; Yêu cầu anh T viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Ông H trình bày: Anh T ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông H vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh T cho Tòa án, Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Hà Mạnh T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Theo như chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh T có quen biết nhau từ trước, năm 2012 anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Do anh chị có được tự do tìm hiểu nên thống nhất đi đến kết hôn nên khoảng tháng 02/2014 thì anh T về Việt Nam và vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2014 tại UBND thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau khoảng 01 tháng. Do tính chất công việc nên khoảng tháng 4/2014 anh T tiếp tục quay trở lại Hàn Quốc làm việc, thời gian đầu anh T đi lao động thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, quan tâm nhau nhưng sau đó ít dần do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nguyên nhân là do anh T không chịu về nước, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2018 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và kể từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm nhau nữa. Nay chị khởi kiện xin ly hôn anh Hà Mạnh T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Hà Mạnh T là hợp pháp. Hiện nay chị Nguyễn Thị H và anh Hà Mạnh T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc từ năm 2018. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Nguyễn Thị H và anh Hà Mạnh T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như quy định nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hà Mạnh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hà Mạnh T.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị Nguyễn Thị H trình bày không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hà Mạnh T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000164 ngày 17/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Hà Mạnh T hiện đang cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND thị trấn N, huyện Y;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

